

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 25/2023/HSST

Ngày: 13-4-2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, T LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nguyễn Văn Hải.

- Bà: Đỗ Thị Thương Huyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Vũ – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, T Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, T Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Việt P – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại Hội trường Tòa án nhân dân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2023/TLST-HS ngày 13/02/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HS ngày 30/3/2023 đối với các bị cáo:

1/. Họ và tên: **Vũ Văn T**; Sinh ngày 02/01/1977 tại Thanh Hóa;

NKTT và chỗ ở: Tổ 13, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 06/12;

Con ông: Vũ Văn Tới (Sn: 1946, đã chết). Con bà: Nguyễn Thị Bạch (Sn: 1946), hiện sống tại tổ 13, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng.

Vợ: Võ Thị Huyền Vy (Sn: 1986). Con có 04 con sinh năm 2008, 2011, 2013, 2017; Hiện sống tại tổ 13, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng.

Tiền sự, tiền án: không.

Nhân thân:

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16 ngày 06/04/2016, bị Công an thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000 đồng (đã chấp hành đóng phạt ngày 06/4/2016).

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 25 ngày 11/7/2017, bị Công an thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 2.000.000đ (đã chấp hành đóng phạt năm 2017).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/12/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo L.

2/. Họ và tên: **Phạm Thị N**; Sinh ngày 25/02/1976 tại Lâm Đồng;

NKTT: 93/59/2 Hà Giang, phường 1, Tp. Bảo Lộc, Lâm Đồng

Chỗ ở: Thôn 13, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nữ;

Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 02/12;

Con ông: Phạm Ngọc Hiệp (đã chết). Con bà: Phan Thị Hánh (Sn: 1950), hiện sống tại phường 1, Tp. Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Chồng: Nguyễn Văn M (Sn: 1966). Con có 03 con sinh năm 1999, 2000, 2007; Hiện sống tại Thôn 13, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo L, Lâm Đồng.

Tiền sự: không

Tiền án: Có 01 tiền án. Tại Bản án số 33/2019/HS-ST ngày 02/4/2019 của TAND Tp Bảo Lộc xử phạt Phạm Thị N 25.000.000đ, được trừ đi số tiền tạm giữ là 6.800.000đ, còn phải nộp 18.200.000đ và buộc nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 20/10/2022 Phạm Thị N nộp phạt toàn bộ số tiền 18.400.000đ. Tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến 13/10/2022 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2022 cho đến nay.

3/. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Sinh ngày 10/7/ 1988 tại Lâm Đồng;

NKTT và chỗ ở: Tổ 18, Thị trấn. Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 09/12;

Con ông: Nguyễn Văn Thoại (Sn: 1954); Con bà: Lê Thị Thảo (Sn: 1956), hiện sống tại xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, T Ninh B.

Vợ: Võ Thị Như (Sn: 1989). Con có 02 con sinh năm 2012, 2019; Hiện sống tại tổ 18, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng.

Tiền sự, tiền án: không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 263 ngày 17/4/2017, bị Công an phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, số tiền 750.000 đồng (đã đóng phạt ngày 24/4/2017).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/11/2022 cho đến nay.

4/. Họ và tên: **Dương Thị Thúy Đ**; Sinh ngày 17/5/1975 tại Thái B;

NKTT và chỗ ở: Thôn 9, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ;

Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 06/12;

Con ông: Dương Tiểu Khai (Sn: 1934, đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Pc (Sn: 1946). Hiện sống tại tổ 9, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Chồng: Nguyễn Văn Sáu (Sn: 1973). Con có 03 con sinh năm 1995, 2004, 2007; Hiện sống tại Thôn 9, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo L, Lâm Đồng.

Tiền sự, tiền án: không.

Nhân thân: Tại bản án số 62/2013/HSST ngày 25/9/2013 của TAND huyện Bảo L, xử phạt Dương Thị Thúy Đ 06 tháng tù cho hưởng án treo, về tội *Chứa chấp tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*; Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày 25/9/2013, phạt bổ sung 5.000.000đ, buộc nộp 200.000đ án phí HSST. Vào tháng 01/2014, đã nộp 200.000đ án phí HSST và tháng 11/2019 đã nộp 5.000.000đ. Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/11/2022 cho đến nay.

5/. Họ và tên: **Đinh Thị H**; Sinh ngày 23/3/1975 tại Lâm Đồng;

NKTT và chỗ ở: Thôn 14, xã Đam b ri, thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nữ;

Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 08/12;

Con ông: Đinh Văn Tiếp (Sn: 1930, đã chết); Con bà: Trần Thị Côi (Sn: 1937). Hiện sống tại Thôn 14, xã ĐamBri, Tp. Bảo Lộc, T Lâm Đồng

Chồng: Lê Văn Chương (Sn: 1973). Con có 02 con sinh năm 1993, 1996; Hiện sống tại Thôn 14, xã ĐamBri, Tp. Bảo Lộc, T Lâm Đồng

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến 13/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2022 cho đến nay.

6/. Họ và tên: **Đoàn Minh C**; Sinh ngày 05/11/1978 tại Lâm Đồng;

NKTT và chỗ ở: Tổ 15, Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 05/12;

Con ông: Đoàn Ngọc Khiết (Sn: 1950); Con bà: Phạm Thị N (Sn: 1952), hiện sống tại phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Vợ: Vũ Thị Tố Quyên (Sn: 1981). Con có 02 con sinh năm 2003, 2006; Hiện sống tại tổ 15, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng.

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2022 cho đến nay.

7/. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; Sinh ngày 01/01/1982 tại Hải Dương;

NKTT và chỗ ở: Tổ 19, phường Lộc Phát, Tp. Bảo Lộc, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 06/12;

Con ông: Nguyễn Đức Lá (Sn: 1954, đã chết); Con bà: Trịnh Thị Bồng (Sn: 1955, đã chết).

Vợ: Lê Thị X (Sn: 1983). Con có 02 con sinh năm 2005, 2015; Hiện sống tại Tổ 19, phường Lộc Phát, Tp. Bảo Lộc, Lâm Đồng .

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến 13/10/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2022 cho đến nay.

8/. Họ và tên: **Nguyễn Văn P**; Sinh ngày 28/4/1990 tại B Định;

NKTT và chỗ ở: Tổ 20, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Thợ sắt; Trình độ học vấn: 07/12;

Con ông: Nguyễn Ngọc Trọng (Sn: 1962); Con bà: Huỳnh Thị Tuyết (Sn: 1966).
Hiện sống tại xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, T B Định.

Vợ: Lê Thị Lan (Sn: 1988). Con có 02 con sinh năm 2015, 2018; Hiện sống tại Tổ 20, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2022 cho đến nay.

9/. Họ và tên: **Lê Quảng B**; Sinh ngày 20/10/1965 tại Thái B;

NKTT và chỗ ở: Tổ 17, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 07/12;

Con ông: Lê Xuân Thoa (Sn: 1930); Con bà: Nguyễn Thị Thu (Sn: 1932 đã chết).

Vợ: Vũ Thị Nụ (Sn: 1970). Con có 03 con sinh năm 1997, 1998 và 2000; Hiện sống tại thị trấn Lộc Thắng, Bảo L, Lâm Đồng. (Đã chết 01 con sinh năm 2000)

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2022 cho đến nay.

10/. Họ và tên: **Đỗ Ưc R**; Sinh ngày 07/10/1974 tại Quảng Nam;

NKTT và chỗ ở: Tổ 16, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 10/12;

Con ông: Đỗ Võ TH (Sn: 1935, Đã chết); Con bà: Trần Thị Lý (Sn: 1935). Hiện sống tại Tổ 16, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng.

Vợ: Trần Thị Lý (Sn: 1975). Con có 03 con sinh năm 1996, 2000, 2005; Hiện sống tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2022 cho đến nay.

11/. Họ và tên: **Trần Bảo P**; Sinh ngày 24/01/1985 tại Lâm Đồng;

NKTT: Tổ 8, phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng

Chỗ ở: Tổ 19, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nam;
Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 9/12;

Con ông: Trần Duy Minh (Sn: 1960); Con bà: Trần Thị Phụng (Sn: 1962). Hiện sống tại Tổ 8, phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng

Vợ: Nguyễn Thị Thanh Loan (Sn: 1978). Con có 01 con sinh năm 2009; Hiện sống tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2022 cho đến nay.

12/. Họ và tên: **Dương Xuân H**; Tên gọi khác: Tý; Sinh ngày 20/4/1991 tại B Thuận;

NKTT: Thôn Gò Đồn, xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, T B Thuận

Chỗ ở: Tổ 22, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nam;
Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12;

Con ông: Dương Xuân Tuệ (Sn: 1956); Con bà: Nguyễn Thị Yên (Sn: 1968). Hiện sống tại Thôn Gò Đồn, xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, T B Thuận

Vợ, con: chưa có.

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2022 cho đến nay.

13/. Họ và tên: **Hồ Xuân S**; Sinh ngày 15/01/1983 tại Cần Thơ;

NKTT và chỗ ở: Tổ 8, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nam;
Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 6/12;

Con ông: Hồ Xuân Sại (Sn: 1937), hiện sống tại phường Lộc phát, thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng. Con bà: Nguyễn Thị Lan (Sn: 1945, đã chết).

Vợ: Vũ Thị Thu (sn: 1985). Con có 02 người con sinh năm 2010 và 2014. Hiện sống tại tổ 8, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng.

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/11/2022 cho đến nay.

14/. Họ và tên: **Phạm Ngọc L**; Sinh ngày 14/3/1979 tại Đồng Nai;

NKTT và chỗ ở: Tổ 15, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Giới tính: Nam;
Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 5/12;

Con ông: Phạm Văn Khẩn (Sn: 1929, đã chết). Con bà: Đinh Thị Thìn (Sn: 1943, đã chết).

Vợ: Nguyễn Thị Quý (sn: 1983). Con có 04 người con sinh năm 2007, 2008, 2010, 2012. Hiện sống tại tổ 15, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, Lâm Đồng.

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ 11/11/2022 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa

*** Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T:** Luật sư **Vũ Văn B-** thuộc Văn phòng luật sư Vũ Văn B- Đoàn luật sư T Lâm Đồng

Địa chỉ: 34 Trần Quốc Toản, phường B' Lao, Tp. Bảo Lộc, T Lâm Đồng

(Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn 13, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo L, T Lâm Đồng (Có mặt).

2. Chị **Lê Thị X**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Tổ 19, phường Lộc Phát, Tp. Bảo Lộc, T Lâm Đồng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 13h15' ngày 10/10/2022, Công an huyện Bảo L bắt quả tang tại khu vực vườn Tràm hồ Cai Bàng thuộc thôn 7, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo L, T Lâm Đồng có nhiều đối tượng đang đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa”. Khi Công an bắt quả tang các đối tượng bỏ chạy, Công an bắt giữ được 03 đối tượng, cùng các vật chứng, tiền trên chiếu bạc và tiền trên người các đối tượng gồm: Phạm Thị N, Nguyễn Văn T, Đinh Thị H. Thu giữ tại sòng bạc gồm: Tiền Việt Nam 2.995.000 đồng; 02 bìa cát tông có kích thước 60cm x 60cm; 01 đĩa nhựa hình tròn đường kính 18cm màu trắng xanh; 01 chén sứ màu trắng hình tròn; 04 quân vị hình tròn có hình trái tim màu đỏ trên nền trắng 01 mặt màu hoa văn xanh trắng; 01 điện thoại di động Galaxy A51 màu đen xanh số Imeil 352353113109681; 01 áo khoác màu nâu bên trong có số tiền 6.500.000đ để cách sòng bạc khoảng 3m.

Thu trên người các đối tượng bị bắt quả tang gồm:

+ **Nguyễn Văn T:** 01 ví da màu nâu in tên Nguyễn Đức T trong túi quần bên phải, bên trong ví có số tiền 1.090.000đ; số tiền 3.800.000đ thu giữ tại túi quần bên trái; Số tiền 40.000.000đ tại túi áo khoác trước ngực trong bên trái; 01 điện thoại di động OPPO A55 màu xanh 0981552992, có số imel 8667870571157115219;

+ **Đinh Thị H:** Số tiền 500.000đ đang cầm trên tay trái; 25.000đ trong túi xách; 01 điện thoại Iphone X Smax màu hồng, gắn sim số 0846230375, số imel 353112100238019;

+ **Phạm Thị N:** số tiền 20.650.000đ (gồm 10.000.000đ trong áo ngực phải, 10.650.000đ để ở túi áo ngực bên trái); 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh lá ngọc, có sim 0384182630, số imel 868466055650471.

Ngoài ra, còn tạm giữ tại hiện trường 08 xe mô tô các loại gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter Gravita màu trắng đen BKS: 49M6 - 1636, số máy: 5B96 - 069.593; 01 xe mô tô hiệu Honda WaveS 100 màu đỏ; BKS: 37U2 -1235, số máy:

JC43E1577076; 01 xe máy hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS: 49H1-269.49, số máy: JG31E0389752; 01 xe máy hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ, BKS: 49H1-263.08, số máy: HC12E7121969; 01 xe máy dạng Dream không có B số, số máy: LC152FMH00630299; 01 xe máy hiệu Honda AirBlade màu đen, BKS: 49K1-281.09, số máy: JF4G52039485, số khung: RLHJF4619EY027751; 01 xe máy hiệu Honda SH màu đen, BKS: 49H1-585.71, số máy: JF95E0121989; 01 xe máy hiệu Yamaha Novou màu vàng nâu, BKS: 49K1-055.80, số khung: RLCN58110BY370854.

Qua điều tra xác định được: Vũ Văn T và Phạm Thị N, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Lê Quảng B, Đỗ Úc R, Trần Bảo P, Dương Xuân H, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L là những người có quen biết nhau. Vào khoảng ngày 09/10/2022 các đối tượng trên (trừ bị cáo S) đến khu vực vườn Tràm hồ Cai Bàng thuộc thôn 7, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo L để đánh bạc ăn tiền, nhưng do trời mưa to nên không đánh bạc được.

Khoảng 08h00' S ngày 10/10/2022, T gọi điện thoại cho S, P, P, L, R đến quán cà phê nhà anh Hoan thuộc tổ 14, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L uống cà phê nói chuyện, trong đó có kể chuyện ngày hôm trước đi đánh bạc nhưng bị trời mưa, không chơi được.

Cùng thời điểm này, sau khi cùng T đi ăn S gần quán cà phê xong, C đi xe máy đến quán cà phê thấy nhóm của T đang ngồi trong quán nên đứng trước cổng quán nói chuyện và rủ nhau đi đánh bạc ăn tiền thì tất cả đồng ý, hẹn nhau đến khu vực bãi đất trống rừng Tràm (của Công ty Nhôm Lâm Đồng quản lý) thuộc thôn 7, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo L để chơi đánh bạc. Sau đó, C đi về và ghé vào tiệm vá vỏ Kim Anh nơi T làm việc thì gặp Dương Xuân H, Trần Bảo P cũng có mặt tại đây C kể lại việc mọi người hẹn nhau đi đánh bạc ở rừng Tràm cho T, P, H nghe rồi đi về nhà mình (ở gần tiệm vá vỏ Kim Anh).

Sau đó, C quay lại quán nói cho T biết là nhóm của T đã đi đánh bạc thì T vào tiệm vá vỏ Kim Anh lấy 01 cái chén, 01 đĩa nhựa, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 cái kéo và 01 tấm bìa cát tông rồi cùng C đi nhờ xe của một người (không rõ lai lịch) vào khu vực rừng Tràm.

Đối với T, P, R sau khi uống cà phê xong đến khoảng 10h00 thì T điều khiển xe mô tô NouVo BKS 49K1 -055.80, P điều khiển xe mô tô Wave BKS 37U2 -1235; R điều khiển xe mô tô Wave RSX, BKS 47B1 -052.51 đi lên khu vực rừng Tràm trước. Còn T điều khiển xe mô tô WaveRSX, BKS 49H1 - 269.49 đi rút tiền ở ngân hàng BIDV và lên rừng Tràm sau.

Hồ Xuân S sau khi uống cà phê cùng nhóm T xong thì đi làm vườn đến khoảng 11h00 cùng ngày về gặp Phạm Ngọc L tại cây xăng 42 thị trấn Lộc Thắng, Bảo L, rồi rủ nhau đi xe mô tô Wave @ BKS 49H1 -263.08 của S đến rừng Tràm.

Còn R điện thoại cho H, N đi đánh bạc thì H rủ thêm Dương Thị Thúy Đ cùng đi. Đ đồng ý rồi cùng H đi xe mô tô Air Blade màu đen BKS 49K1 -281.09 của H. N một mình điều khiển xe máy loại Dream không B số đi lên rừng Tràm.

Trần Bảo P và Dương Xuân H sau khi ở tiệm vá vỏ Kim Anh đi về nhà thì P điều khiển xe mô tô Jupiter BKS 49M6 -1636, H điều khiển xe SH125i BKS 49H1 -585.71 cùng đi vào rừng Tràm đánh bạc ăn tiền.

Lê Quảng B sau khi đi làm vườn về ngang qua thấy đánh bạc xóc đĩa ăn tiền nên cũng vào tham gia chơi.

Tại sới bạc lúc này, T lấy bài ra cắt quân vị nhưng chưa tròn nên P đến phụ cắt chỉnh sửa lại quân vị cho tròn. C cùng những người khác lấy bài cát tông ra trải ngồi. T nói T không chơi thì xóc đĩa giùm mọi người chơi thì tất cả đồng ý và nhờ T xóc đĩa. T nhận lời và xóc đĩa cho những người chơi khác đặt tiền cá cược. Trong sòng bạc, cả nhóm thống nhất với nhau mức cược cao nhất một ván là 4.000.000đ, thấp nhất là khoảng 1.000.000đ. Tất cả mọi người chơi đều có quyền hô bán chắn, bán lẻ, cân tiền và chia tiền ăn thua cho các con bạc, không quy định cụ thể người hô bán chắn, bán lẻ, không phân công người C giới, không có quy định ai là trả tiền công cho T (ai thích thì cho T tiền và không phân biệt số tiền). Trong đó, Lê Quảng B tham gia đánh được khoảng 30 Pt thắng được 1.500.000đ nên cho T 300.000đ và đi về. Những người chơi khác cho T mỗi người khoảng 50.000đ. Những người chơi đánh bạc liên tục cho đến khi bị Công an huyện Bảo L bắt quả tang tạm giữ người và các vật chứng nêu trên. Riêng Đỗ Úc R chơi thua hết số tiền 2.800.000đ thì đi về nhà lấy thêm 17.000.000đ và quay lại sới bạc thì bị Cơ quan Công an lập biên bản.

Quá trình điều tra xác định được số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, tiền thu lợi bất chính cụ thể như sau:

1. Vũ Văn T: mang theo 1.500.000đ để đánh bạc, khi bỏ chạy T còn lại 900.000đ, bị thua 600.000đ.

2. Phạm Thị N: mang theo số tiền 21.350.000đ, sử dụng 11.350.000đ để đánh bạc, số tiền còn lại 10.000.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang N còn lại 20.650.000đ, bị thua 700.000đ.

3. Nguyễn Văn T: Khi đi không mang theo tiền và xóc đĩa cho các con bạc chơi đánh bạc. Quá trình chơi được Lê Quảng B cho 300.000đ và các bị cáo khác cho 600.000đ. Tổng cộng được 900.000đ.

4. Dương Thị Thúy Đ: mang theo 7.000.000đ sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi chơi Đ rút ra trước 500.000đ để chơi, còn lại 6.500.000đ bỏ trong túi áo khoác để tại sới bạc. Đ chơi cho đến khi Công an bắt quả tang thì Đ bỏ chạy và cầm trên tay 1.700.000đ, xác định Đ thắng được 1.200.000đ.

5. Đinh Thị H: mang theo số tiền 2.025.000đ sử dụng 2.000.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang H còn lại 525.000đ, bị thua 1.500.000đ.

6. Đoàn Minh C: mang theo số tiền 4.000.000đ sử dụng để đánh bạc từ đầu cho đến khi Công an bắt quả tang, C bỏ chạy cầm trên tay 1.000.000đ, bị thua 3.000.000đ.

7. Nguyễn Văn T: mang theo 51.090.000đ, sử dụng 10.000.000đ để đánh bạc, còn lại 41.090.000đ cất trong bóp và áo ngực trái không sử dụng để đánh bạc. Khi chơi, T lấy từ số tiền 10.000.000đ cho P mượn 5.000.000đ để đánh bạc, còn sử dụng 5.000.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang T còn lại 3.800.000đ, bị thua 1.200.000đ.

8. Nguyễn Văn P: mang theo 3.500.000đ để đánh bạc và bị thua hết số tiền này. P mượn của T 5.000.000đ tiếp tục chơi đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, P bỏ chạy mang theo số tiền 5.500.000đ. Tổng cộng P sử dụng 8.500.000đ để đánh bạc, bị thua 3.000.000đ.

9. Lê Quảng B: mang theo 900.000đ sử dụng để đánh bạc và thắng được 1.500.000đ. B cho T 300.000đ và đi về trước khi Công an bắt quả tang. Số tiền B thu lợi còn lại là 1.200.000đ.

10. Đỗ Úc R: mang theo 2.800.000đ để đánh bạc và thua hết số tiền này. R về nhà cầm theo 17.000.000đ và xác định lấy ra 5.000.000đ để đánh bạc; Trả cho H 2.000.000đ (tiền nợ), còn lại 10.000.000đ không sử dụng để đánh bạc. Khi R quay lại thì Công an huyện Bảo L đang lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Xác định tổng số tiền R sử dụng để đánh bạc là 7.800.000đ, bị thua 2.800.000đ.

11. Trần Bảo P: mang theo 1.350.000đ sử dụng để đánh bạc và bị thua 1.100.000đ. Khi Công an bắt quả tang P bỏ chạy, cầm theo trên tay 250.000đ.

12. Dương Xuân H: mang theo 1.850.000đ sử dụng để đánh bạc và bị thua 1.000.000đ. Khi Công an bắt quả tang H bỏ chạy cầm theo số tiền còn lại là 850.000đ.

13. Hồ Xuân S: mang theo số tiền 850.000đ sử dụng để đánh bạc bị thua 800.000đ. Khi bị bắt quả tang S bỏ chạy cầm theo số tiền 50.000đ.

14. Phạm Ngọc L: mang theo số tiền 900.000đ để đánh bạc bị thua 400.000đ. Khi Công an bắt quả tang L bỏ chạy và cầm theo số tiền 500.000đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc trong ngày 10/10/2022 là **56.895.000 đồng** (gồm số tiền thu tại sới bạc là 2.995.000đ + số tiền các bị cáo mang theo sử dụng để đánh bạc là 53.900.000đ).

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Riêng bị cáo N thay đổi lời khai bị cáo chỉ thừa nhận sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc chứ không sử dụng số tiền 11.350.000 đồng để đánh bạc.

Cáo trạng số 16/CT-VKSBL ngày 10/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, T Lâm Đồng truy tố các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Lê Quảng B, Đỗ Úc R, Trần Bảo P, Dương Xuân H, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L về tội “*Đánh bạc*” quy định tại điểm b khoản 2 điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, T Lâm Đồng trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn T** từ 36 đến 42 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam.

Phạt bổ sung bị cáo T từ 10 triệu đến 20 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 36 đến 42 tháng tù

Phạt bổ sung bị cáo T từ 10 triệu đến 20 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo **Dương Thị Thúy Đ** từ 36 đến 42 tháng tù

Phạt bổ sung bị cáo Đ từ 10 triệu đến 20 triệu đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị N** từ 36 đến 42 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ.

Phạt bổ sung bị cáo N từ 10 triệu đến 20 triệu đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đoàn Minh C** 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Phạt bổ sung bị cáo C từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị H** 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Phạt bổ sung bị cáo H từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Phạt bổ sung bị cáo T từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Úc R** 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Phạt bổ sung bị cáo R từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Phạt bổ sung bị cáo P từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo **Trần Bảo P** 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Phạt bổ sung bị cáo P từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo **Lê Quảng B** 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Phạt bổ sung bị cáo B từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo **Dương Xuân H** 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Phạt bổ sung bị cáo H từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo **Hồ Xuân S** 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Phạt bổ sung bị cáo S từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc L** 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Phạt bổ sung bị cáo L từ 20 triệu đến 30 triệu đồng.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 43.195.000 đồng, trong đó thu giữ tại sông bạc 2.995.000 đồng, bị cáo T nộp lại 900.000 đồng, bị cáo T nộp lại 900.000 đồng, bị cáo Đ nộp lại 1.700.000 đồng và thu giữ bên trong áo khoác của bị cáo Đ 6.500.000 đồng, bị cáo C nộp lại 1.000.000 đồng, bị cáo P nộp lại 5.500.000 đồng, bị cáo B nộp lại 2.100.000 đồng, bị cáo R nộp lại 5.000.000 đồng, bị cáo P nộp lại 250.000 đồng, bị cáo H nộp lại 850.000 đồng, bị cáo S nộp lại 50.000 đồng, bị cáo L nộp lại 500.000 đồng, thu giữ của bị cáo N 10.650.000 đồng, thu giữ của bị cáo H 500.000 đồng, thu giữ của bị cáo T 3.800.000 đồng.

Số tiền không liên quan đến việc đánh bạc nên trả lại cho bị cáo N 10.000.000 đồng, cho bị cáo H 25.000 đồng cho bị cáo T 41.090.000 đồng, nhưng giữ lại để đảm bảo cho việc Thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy:

- 02 bìa cát tông có kích thước 60cm x 60cm;
- 01 đĩa nhựa hình tròn đường kính 18cm màu trắng xanh;
- 01 chén sứ màu trắng hình tròn;
- 04 quân vị hình tròn có hình trái tim màu đỏ trên nền trắng 01 mặt màu hoa văn xanh trắng;
- 01 áo khoác màu nâu của bị cáo Đ do bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động Galaxy A51 màu đen xanh số Imeil 352353113109681;

Trả lại cho bị cáo T 01 ví da màu nâu in tên Nguyễn Đức T;

Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động OPPO A55 màu xanh 0981552992, có số imel 8667870571157115219;

Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại Iphone X Smax màu hồng, gắn sim số 0846230375, số imel 353112100238019;

Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh lá ngọc, có sim 0384182630, số imel 868466055650471.

Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu Gold, Imeil 356569080607549 của Vũ Văn T.

Chuyên Công an huyện Bảo L xử lý theo quy định của pháp luật: 01 xe máy hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS: 49H1-269.49, số máy: JG31E0389752, đứng tên Lê Thị X (vợ bị cáo T); 01 xe mô tô dạng Dream không có B số, số máy LC152FMH00630299 của bị cáo N.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tính chất, nhân thân của bị cáo T, hoàn C gia đình bị cáo khó khăn, thành thật khai báo, ăn năn hối cải, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn, bị cáo đã ra trình diện khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đề Cơ quan điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, đồng thời căn cứ vào lời khai của bị cáo N tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Bảo L; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng(Trừ bị cáo N nhưng lời trình bày của bị cáo N là không có căn cứ). Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào ngày 10/10/2022, các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Lê Quảng B, Đỗ Úc R, Trần Bảo P, Dương Xuân H, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L cùng nhau đến khu vực vườn Tràm Hồ Cai Bàng thuộc thôn 7, xã Lộc Ngải, huyện Bảo L, T Lâm Đồng đánh xóc đĩa ăn tiền. Đến 13h15' cùng ngày bị Công an huyện Bảo L bắt quả tang, xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc:

1. Vũ Văn T: mang theo 1.500.000đ để đánh bạc, khi bỏ chạy T còn lại 900.000đ, bị thua 600.000đ.

2. Phạm Thị N: mang theo số tiền 21.350.000đ, sử dụng 11.350.000đ để đánh bạc, số tiền còn lại 10.000.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang N còn lại 20.650.000đ, bị thua 700.000đ.

3. Nguyễn Văn T: khi đi không mang theo tiền và xóc đĩa cho các con bạc chơi đánh bạc. Quá trình chơi được Lê Quảng B cho 300.000đ và các bị cáo khác cho 600.000đ. Tổng cộng được 900.000đ.

4. Dương Thị Thúy Đ: mang theo 7.000.000đ sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi chơi Đ rút ra trước 500.000đ để chơi, còn lại 6.500.000đ bỏ trong túi áo khoác để tại sới bạc. Đ chơi cho đến khi Công an bắt quả tang thì Đ bỏ chạy và cầm trên tay 1.700.000đ, xác định Đ thắng được 1.200.000đ.

5. Đinh Thị H: mang theo số tiền 2.025.000đ sử dụng 2.000.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang H còn lại 525.000đ, bị thua 1.500.000đ.

6. Đoàn Minh C: mang theo số tiền 4.000.000đ sử dụng để đánh bạc từ đầu cho đến khi Công an bắt quả tang, C bỏ chạy cầm trên tay 1.000.000đ, bị thua 3.000.000đ.

7. Nguyễn Văn T: mang theo 51.090.000đ, sử dụng 10.000.000đ để đánh bạc, còn lại 41.090.000đ cất trong bóp và áo ngực trái không sử dụng để đánh bạc. Khi chơi, T lấy từ số tiền 10.000.000đ cho P mượn 5.000.000đ để đánh bạc, còn sử dụng 5.000.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang T còn lại 3.800.000đ, bị thua 1.200.000đ.

8. Nguyễn Văn P: mang theo 3.500.000đ để đánh bạc và bị thua hết số tiền này. P mượn của T 5.000.000đ tiếp tục chơi đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, P bỏ chạy mang theo số tiền 5.500.000đ. Tổng cộng P sử dụng 8.500.000đ để đánh bạc, bị thua 3.000.000đ.

9. Lê Quảng B: mang theo 900.000đ sử dụng để đánh bạc và thắng được 1.500.000đ. B cho T 300.000đ và đi về trước khi Công an bắt quả tang. Số tiền B thu lợi còn lại là 1.200.000đ.

10. Đỗ Ưc R: mang theo 2.800.000đ để đánh bạc và thua hết số tiền này. R về nhà cầm theo 17.000.000đ và xác định lấy ra 5.000.000đ để đánh bạc; Trả cho H 2.000.000đ (tiền nợ), còn lại 10.000.000đ không sử dụng để đánh bạc. Khi R quay lại thì Công an huyện Bảo L đang lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Xác định tổng số tiền R sử dụng để đánh bạc là 7.800.000đ, bị thua 2.800.000đ.

11. Trần Bảo P: mang theo 1.350.000đ sử dụng để đánh bạc và bị thua 1.100.000đ. Khi Công an bắt quả tang P bỏ chạy, cầm theo trên tay 250.000đ.

12. Dương Xuân H: mang theo 1.850.000đ sử dụng để đánh bạc và bị thua 1.000.000đ. Khi Công an bắt quả tang H bỏ chạy cầm theo số tiền còn lại là 850.000đ.

13. Hồ Xuân S: mang theo số tiền 850.000đ sử dụng để đánh bạc bị thua 800.000đ. Khi bị bắt quả tang S bỏ chạy cầm theo số tiền 50.000đ.

14. Phạm Ngọc L: mang theo số tiền 900.000đ để đánh bạc bị thua 400.000đ. Khi Công an bắt quả tang L bỏ chạy và cầm theo số tiền 500.000đ.

Tại phiên tòa bị cáo N có lúc thay đổi lời khai bị cáo chỉ thừa nhận sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc chứ không sử dụng số tiền 11.350.000 đồng để đánh bạc, do lần lấy cung lần đầu bị đánh, sau đó các bản cung tiếp theo bị cáo bị cán bộ điều tra hù dọa nếu không khai thì bị bắt tạm giam nên bị cáo khai nhận sử dụng số tiền 11.350.000 đồng để đánh bạc, sau đó bị cáo thay đổi lời khai chỉ sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc nếu thua hết thì bị cáo chỉ lấy ra khoảng 2.000.000 đồng để đánh bạc, tiếp theo bị cáo lại thay đổi lời khai bị cáo sử dụng 11.350.000 đồng để đánh bạc và thừa nhận các bản khai tại Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L là đúng, lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện sau khi Điều tra viên và Kiểm sát viên lấy lời khai xong đọc lại cho bị cáo nghe, tiếp theo bị cáo thay đổi lời khai do lần lấy cung lần đầu bị đánh nên bị cáo khai sử dụng 11.350.000 đồng để đánh bạc và các bản cung sau do bị cáo sợ nên bị cáo tiếp tục khai nhận sử dụng 11.350.000 đồng để đánh bạc.

Lời khai của bị cáo N là bất nhất, trong quá trình điều tra cũng như khi Viện kiểm sát lấy lời khai đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự các bản cung của bị cáo N đều có người chứng kiến và tại phiên tòa bị cáo N cũng thừa nhận sau khi Điều tra viên và Kiểm sát viên lấy lời khai xong đều đọc lại cho bị cáo nghe và bị cáo thống nhất. Các bản cung đều thể hiện bị cáo sử dụng 11.350.000 đồng để đánh bạc, do vậy có cơ sở khẳng định cáo N sử dụng 11.350.000 đồng để đánh bạc.

Nên có cơ sở khẳng định tổng số tiền 14 bị cáo sử dụng để đánh bạc là **56.895.000 đồng** (gồm cả số tiền 900.000đ của bị cáo T và 2.995.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc).

Hành vi của các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Lê Quảng B, Đỗ Ước R, Trần Bảo P, Dương Xuân H, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L đã phạm tội: *Đánh bạc*, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo L truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật hình sự, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên cần phải xử phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (Trừ bị cáo N) các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền đánh bạc, bị cáo P, bị cáo T, bị cáo S có hoàn C gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình, bị cáo H là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa P xác nhận, bị cáo H có xác nhận của chính quyền địa P nhưng không có xác nhận hoàn C khó khăn là lao động chính trong gia đình, bị cáo C được UBND xã Lộc Ngãi tặng giấy khen vì có nhiều đóng góp trong phong trào xây dựng nông thôn mới, bị cáo T có bố đẻ được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo P có bố đẻ được tặng huân chương kháng chiến hạng ba nên các bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N khai báo quanh co không thành khẩn về hành vi phạm tội của mình nên không được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà chỉ được xem xét áp dụng khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự . Riêng bị cáo C tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm nên được áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Lê Quảng B, Đỗ Ước R, Trần Bảo P, Dương Xuân H, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Phạm Thị N tại Bản án số 33/2019/HS-ST ngày 02/4/2019 của TAND Tp Bảo Lộc xử phạt Phạm Thị N 25.000.000đ, được trừ đi số tiền tạm giữ là 6.800.000đ, còn phải nộp 18.200.000đ và buộc nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 20/10/2022 Phạm Thị N mới chấp hành nộp phạt toàn bộ số tiền 18.400.000đ. Tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo chưa được xóa án tích nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Trong vụ án này bị cáo T và bị cáo C là người tích cực trong việc đánh bạc bị cáo T đã 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nên hình phạt của bị cáo T và bị cáo C phải nghiêm khắc hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cũng cần cân nhắc xem xét mức hình phạt đối với bị cáo C.

Đối với bị cáo N không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ nào theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, trong khi đó bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo N.

Bị cáo H, C, T, P, B, R, P, H, S, L có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại không vi phạm pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng do đó không cần thiết xử phạt tù giam mà cho bị cáo H, C, T, P, B, R, P, H, S, L được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho chính quyền địa P giám sát giáo dục theo qui định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Đ đã bị kết án tính đến ngày phạm tội bị cáo đã được xóa án tích, đối với bị cáo T và bị cáo T đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng lần phạm tội này thuộc trường hợp nghiêm trọng, còn bị cáo N phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên các bị cáo T, N, T, Đ không đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 theo Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Vũ Văn T, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Lê Quảng B, Đỗ Úc R, Trần Bảo P, Dương Xuân H, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L

[8] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 43.195.000 đồng, trong đó thu giữ tại sòng bạc 2.995.000 đồng, bị cáo T nộp lại 900.000 đồng, bị cáo T nộp lại 900.000 đồng, bị cáo Đ nộp lại 1.700.000 đồng và thu giữ bên trong áo khoác của bị cáo Đ 6.500.000 đồng, bị cáo C nộp lại 1.000.000 đồng, bị cáo P nộp lại 5.500.000 đồng, bị cáo B nộp lại 2.100.000 đồng, bị cáo R nộp lại 5.000.000 đồng, bị cáo P nộp lại 250.000 đồng, bị cáo H nộp lại 850.000 đồng, bị cáo S nộp lại 50.000 đồng, bị cáo L nộp lại 500.000 đồng, thu giữ của bị cáo N 10.650.000 đồng, thu giữ của bị cáo H 500.000 đồng, thu giữ của bị cáo T 3.800.000 đồng.

Số tiền không liên quan đến việc đánh bạc nên trả lại cho bị cáo N 10.000.000 đồng, cho bị cáo H 25.000 đồng cho bị cáo T 41.090.000 đồng,

Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động Galaxy A51 màu đen xanh số Imeil 352353113109681;

Trả lại cho bị cáo T 01 ví da màu nâu in tên Nguyễn Đức T;

Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động OPPO A55 màu xanh 0981552992, có số imel 8667870571157115219;

Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại Iphone X Smax màu hồng, gắn sim số 0846230375, số imel 353112100238019;

Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh lá ngọc, có sim 0384182630, số imel 868466055650471.

Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu Gold, Imeil 356569080607549.

Nhưng giữ lại để đảm bảo cho việc Thi hành án, sau khi thi hành án xong còn dư trả lại cho các bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy:

- 02 bìa cát tông có kích thước 60cm x 60cm;
- 01 đĩa nhựa hình tròn đường kính 18cm màu trắng xanh;
- 01 chén sứ màu trắng hình tròn;
- 04 quân vị hình tròn có hình trái tim màu đỏ trên nền trắng 01 mặt màu hoa văn xanh trắng;

- 01 áo khoác màu nâu của bị cáo Đ do bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Chuyển Công an huyện Bảo L xử lý theo quy định của pháp luật: 01 xe máy hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS: 49H1-269.49, số máy: JG31E0389752; 01 xe mô tô dạng Dream không có B số, số máy LC152FMH00630299.

[9] Các vấn đề khác : Đối với hành vi nghi vấn mua số lô, số đề của bị cáo Đỗ Úc R trong các ngày 07,08,09,10/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo L đã tách hành vi, tài liệu liên quan để giải quyết trong một tin báo khác. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Xét ý kiến trình bày luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L thấy rằng: Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với nhân thân và tính chất mức độ của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

[11] Về án phí: Buộc các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Lê Quảng B, Đỗ Úc R, Trần Bảo P, Dương Xuân H, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Văn T, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Lê Quảng B, Đỗ Úc R, Trần Bảo P, Dương Xuân H, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L phạm tội “*đánh bạc*”.

Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn T** 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Vũ Văn T 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Dương Thị Thúy Đ** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Dương Thị Thúy Đ 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị N** 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến ngày 13/10/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị N 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đoàn Minh C** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Đoàn Minh C 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị H** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Đinh Thị H 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Úc R** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Úc R 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn P 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Trần Bảo P** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Bảo P 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Lê Quảng B** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Quảng B 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Dương Xuân H** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Dương Xuân H 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Hồ Xuân S** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Hồ Xuân S 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc L** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc L 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Giao bị cáo Đoàn Minh C, Nguyễn Văn P, Lê Quảng B, Đỗ Úc R, Trần Bảo P, Dương Xuân H, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L cho UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, T Lâm Đồng, giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc, T Lâm Đồng, giao bị cáo Đinh Thị H cho UBND xã Đam Bri, thành phố Bảo Lộc, T Lâm Đồng, để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án thực hiện theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 43.195.000 đồng , trong đó thu giữ tại sông bạc 2.995.000 đồng, bị cáo T nộp lại 900.000 đồng, bị cáo T nộp lại 900.000 đồng, thu giữ bên trong áo khoác của bị cáo Đ 6.500.000 đồng, bị cáo C nộp lại 1.000.000 đồng, bị cáo P nộp lại 5.500.000 đồng, bị cáo B nộp lại 2.100.000 đồng, bị cáo R nộp lại 5.000.000 đồng, bị cáo P nộp lại 250.000 đồng, bị cáo H nộp lại 850.000 đồng, bị cáo L nộp lại 500.000 đồng, thu giữ của bị cáo N 10.650.000 đồng, thu giữ của bị cáo H 500.000 đồng, thu giữ của bị cáo T 3.800.000 đồng (Tại tài khoản tạm gửi của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L) bị cáo Đ nộp lại 1.700.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005367 ngày 07/02/2023 và bị cáo S nộp lại 50.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005366 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L.

Trả lại cho bị cáo Phạm Thị N 10.000.000 đồng, bị cáo Đinh Thị H 25.000 đồng bị cáo Nguyễn Văn T 41.090.000 đồng, tại tài khoản tạm gửi của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L,

Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động Galaxy A51 màu đen xanh số Imeil 352353113109681;

Trả lại cho bị cáo T 01 ví da màu nâu in tên Nguyễn Đức T;

Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động OPPO A55 màu xanh 0981552992, có số imel 8667870571157115219;

Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại Iphone X Smax màu hồng, gắn sim số 0846230375, số imel 353112100238019;

Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh lá ngọc, có sim 0384182630, số imel 868466055650471.

Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu Gold, Imeil 356569080607549.

Nhưng giữ lại để đảm bảo cho việc THA.

Tịch thu tiêu hủy:

- 02 bìa cát tông có kích thước 60cm x 60cm;
- 01 đĩa nhựa hình tròn đường kính 18cm màu trắng xanh;
- 01 chén sứ màu trắng hình tròn;
- 04 quân vị hình tròn có hình trái tim màu đỏ trên nền trắng 01 mặt màu hoa văn xanh trắng;
- 01 áo khoác màu nâu của bị cáo Đ

Chuyên Công an huyện Bảo L xử lý theo quy định của pháp luật: 01 xe máy hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS: 49H1-269.49, số máy: JG31E0389752; 01 xe mô tô dạng Dream không có B số, số máy LC152FMH00630299.

(Các vật chứng trên theo biên bản giao nhận tài sản, vật chứng ngày 23/02/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L với Công an huyện Bảo L).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ Văn T, Phạm Thị N, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Lê Quảng B, Đỗ Úc R, Trần Bảo P, Dương Xuân H, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 13/4/2023 để yêu cầu Tòa án nhân dân T Lâm Đồng xét xử Pc thẩm.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan).

Nơi nhận:

- TAND T Lâm Đồng ⁽²⁾;
- VKSND T Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Đình Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hải Đỗ Thị Thương Huyền Nguyễn Đình Phong

